|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHƯƠNG ÁN**

**Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp**

*(Kèm theo Quyết định số /BC-TTg ngày / /2021 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. Ngành nghề kinh doanh: Hành nghề luật sư**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1:** **Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề

1.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 10, 17 và 18 của Luật Luật sư.

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.474.778.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.593.680.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 881.098.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,6 %.

**1.2. Thủ tục hành chính 2:** **Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề

1.2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 10, 17 và 18 của Luật Luật sư.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 606.656.400 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 412.214.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 194.442.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32 %.

**1.3. Thủ tục hành chính 3:** **Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư**

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe.

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề, Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để tiết kiệm thời gian và đơn giản hóa thực hiện thủ tục hành chính.

1.3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 10, 17 và 19 của Luật Luật sư

1.3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 95.183.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 61.295.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 33.888.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,6 %.

**1.4. Thủ tục hành chính 4:** **Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý**

1.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe.

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề, Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để tiết kiệm thời gian và đơn giản hóa thực hiện thủ tục hành chính.

1.4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 10, 17 của Luật Luật sư và Điều 6 Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.036.760 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.259.080 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 6.777.680 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,6 %.

**1.5. Thủ tục hành chính 5:** **Cấp giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài**

1.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ quy định Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng, Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư.

Lý do: Tạo điều kiện cho công ty luật nước ngoài tại Việt Nam lựa chọn nhân sự phù hợp.

1.5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 78 của Luật Luật sư

1.5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.866.344 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 63.910.896 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.955.448 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,9 %.

**1.6. Thủ tục hành chính 6:** **Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam**

1.6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ quy định Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng, Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư.

Lý do: Tạo điều kiện cho công ty luật nước ngoài tại Việt Nam lựa chọn nhân sự phù hợp.

1.6.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 78 của Luật Luật sư

1.6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 87.821.792 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 85.214.528 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.607.264 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,9 %.

**1.7. Thủ tục hành chính 7:** **Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam**

1.7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Đơn đề nghị thành lập chi nhánh

Lý do: Tạo điều kiện cho công ty luật nước ngoài tại Việt Nam thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng.

1.7.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.977.504 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.910.896 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.066.608 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,6 %.

**1.8. Thủ tục hành chính 8:** **Thay đổi nội dung giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam**

1.8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Giấy đề nghị thay đổi nội dung giấy phép thành lập

Lý do: Tạo điều kiện cho công ty luật nước ngoài tại Việt Nam thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng

1.8.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 73.198.944 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 64.132.776 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 9.066.168 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,8 %.

**1.9. Thủ tục hành chính 9:** **Cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài**

1.9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài

Lý do: Tạo điều kiện cho luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng

1.9.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 375.410.392 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 336.953.248 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 38.457.144 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,2 %.

**1.10. Thủ tục hành chính 10:** **Gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam cho luật sư nước ngoài**

1.10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài

Lý do: Tạo điều kiện cho luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng

1.10.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 93.799.296 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 88.999.560 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.799.736 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,1%.

**1.11. Thủ tục hành chính 11**: **Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư**

1.11.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ quy định Hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Luật sư

Lý do: Tạo điều kiện cho cá nhân thành lập và dăng ký hoạt động tổ chức hành nghề; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để tiết kiệm thời gian và đơn giản hóa thực hiện thủ tục hành chính.

1.11.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 32 và 35 của Luật Luật sư.

1.11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 765.700.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 469.420.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 296.280.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,7%.

**1.12. Thủ tục hành chính 12**: **Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư**

1.12.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.

Lý do: Tạo điều kiện tổ chức hành nghề luật sư thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng.

1.12.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 346.280.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 257.396.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 88.884.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,7%.

**1.13. Thủ tục hành chính 13**: **Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1.13.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.

Lý do: Tạo điều kiện tổ chức hành nghề luật sư thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng.

1.13.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 41.553.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30.887.520 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.666.080 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,6%.

**1.14. Thủ tục hành chính 14**: **Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh**

1.14.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Chuẩn hóa mẫu Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.

Lý do: Tạo điều kiện tổ chức hành nghề luật sư thực hiện thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng.

1.14.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

1.14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 34.628.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25.739.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.888.400 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,6%.

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: Có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư (Điều kiện hành nghề luật sư)**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ điều kiện: Có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư.

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề.

2.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 10, Điều 17 và Điều 18 Luật Luật sư.

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 326.280 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 326.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**2.2. Yêu cầu, điều kiện 2: Có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Luật sư (Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư)**

2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ điều kiện: Có ít nhất hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Luật sư.

Lý do: Tạo điều kiện cho cá nhân thành lập tổ chức hành nghề luật sư.

2.2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 32, Điều 35 Luật Luật sư.

2.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 267.024 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 267.024 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**2.3. Yêu cầu, điều kiện 3: Cam kết tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam (Điều kiện hành nghề của luật sư nước ngoài tại Việt Nam)**

2.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định: không yêu cầu “cam kết tuân thủ Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam”.

Lý do: Tạo điều kiện cho luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam.

2.3.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư

2.3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**2.4. Yêu cầu, điều kiện 4: Cam kết và bảo đảm có ít nhất hai luật sư nước ngoài, kể cả Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng (Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam)**

2.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định: không yêu cầu “Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng”.

Lý do: Để tạo điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.

2.4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 68 Luật Luật sư.

2.4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

**2.5. Yêu cầu, điều kiện 5: Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư (Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam)**

2.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ điều kiện: Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư.

Lý do: Để tạo điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.

2.5.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 68 Luật Luật sư.

2.5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.188.840 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.188.840 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**3. Quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động kinh doanh:**

**3.1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo về tổ chức, hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam**

3.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa nội dung báo cáo về tổ chức và hoạt động

Lý do: Để tạo thuận lợi cho tổ chức hành nghề luật sư thực hiện nghĩa vụ báo cáo và tạo tính thống nhất trong yêu cầu về nội dung báo cáo

3.1.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

3.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.517.280 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.251.728 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 20.265.552 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 90%.

**3.2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo về tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam**

3.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa nội dung báo cáo về tổ chức và hoạt động

Lý do: Để tạo thuận lợi cho tổ chức hành nghề luật sư thực hiện nghĩa vụ báo cáo và tạo tính thống nhất trong yêu cầu về nội dung báo cáo

3.2.2. Kiến nghị thực thi: Đã được sửa đổi trong Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

3.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.120.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 118.512.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.066.608.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 90%.

**II. Ngành nghề kinh doanh: Hành nghề công chứng**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1: Bổ nhiệm Công chứng viên**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật để đối chiếu.

Lý do: Đã có trong hồ sơ đăng ký đào tạo/bồi dưỡng nghề tại Học viện Tư pháp, không cần nộp lại.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng để đối chiếu.

Lý do: Bộ Tư pháp là cơ quan cấp giấy chứng nhận này, không cần nộp lại.

1.1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Luật công chứng năm 2014.

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 43.744.480 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.514.480 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 23.229.840‬ đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53.1%.

**1.2. Thủ tục hành chính 2: Bổ nhiệm lại Công chứng viên**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm Công chứng viên để đối chiếu.

Lý do: Bộ Tư pháp là cơ quan ban hành, không cần nộp lại.

1.2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Luật công chứng năm 2014.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.566.136 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16414.692 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.151.444 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.2 %.

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: bỏ điều kiện bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng.

Lý do: Công chứng viên sẽ tự bảo đảm sức khỏe khi hành nghề.

2.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Luật công chứng năm 2014

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 648.140đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí kiết kiệm: 648.140đ/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**2.2. Yêu cầu, điều kiện 2: Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật (tiêu chuẩn bổ nhiệm Công chứng viên)**

2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Giảm thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật xuống còn 3 năm

Lý do: Để tạo điều kiện cho người hành nghề công chứng.

2.2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa Luật công chứng năm 2014

2.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 198.140đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí kiết kiệm: 198.140đ/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

**III. Ngành nghề kinh doanh: Thừa phát lại**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1:** **Bổ nhiệm Thừa phát lại**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật để đối chiếu.

Lý do: Đã có trong hồ sơ đăng ký đào tạo/bồi dưỡng nghề tại Học viện Tư pháp, không cần nộp lại.

- Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại để đối chiếu.

Lý do: Bộ Tư pháp là cơ quan cấp giấy chứng nhận này, không cần nộp lại.

1.1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.951.720 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58.682.160 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.269.560‬ đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,4 %.

**1.2. Thủ tục hành chính 2:** **Bổ nhiệm lại Thừa phát lại**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại để đối chiếu.

Lý do: Bộ Tư pháp là cơ quan ban hành, không cần nộp lại.

1.2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0‬ đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.3. Thủ tục hành chính 3: Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)**

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại để đối chiếu.

Lý do: Bộ Tư pháp là cơ quan ban hành, không cần nộp lại.

1.3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.304.960 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.661.772 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ‬643.188 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,9 %.

**1.4. Thủ tục hành chính 4:** **Thành lập Văn phòng Thừa phát lại**

1.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ Đơn đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại.

Lý do: Lồng ghép nội dung cần thiết vào Bản thuyết minh.

1.4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 50.288.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 43.702.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ‬6.585.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,1 %.

**1.5. Thủ tục hành chính 5:** **Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại**

1.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại để đối chiếu.

Lý do: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định trên cơ sở tham mưu của Sở Tư pháp, không cần nộp lại.

1.5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.178.160 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.120 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.993.040‬ đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 83,5 %.

**1.6. Thủ tục hành chính 6: Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại**

1.6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ Đơn đề nghị chuyển đổi.

Lý do: Lồng ghép nội dung cần thiết vào Bản thuyết minh.

1.6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0‬ đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.7. Thủ tục hành chính 7: Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại**

1.7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ Danh sách Thừa phát lại hợp danh hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng.

Lý do: Lồng ghép vào đơn đề nghị hợp nhất, sáp nhập.

1.7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ‬0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.8. Thủ tục hành chính 8:** **Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại**

1.8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ Quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.

Lý do: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định trên cơ sở tham mưu của Sở Tư pháp, không cần nộp lại.

1.8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ‬0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.9. Thủ tục hành chính 9:** **Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại**

1.9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ văn bản cam kết nội dung quy định tại điểm a, b khoản 2.

Lý do: Lồng ghép nội dung cần thiết vào Đơn đề nghị chuyển nhượng thành Đơn đề nghị nhận chuyển nhượng.

- Bỏ thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.

Lý do: Không thật sự cần thiết, gây lãng phí.

1.9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

1.9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ‬0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**IV. Ngành nghề kinh doanh: Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hang, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

1. **Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1:** **Bổ nhiệm giám định viên tư pháp**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận sức khỏe.

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề.

1.1.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi Điều 7 Luật Giám định tư pháp 2012

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 103.698.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 97.772.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 5.925.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,7%.

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: Có sức khỏe (Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp)**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ điều kiện có sức khỏe.

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề.

1.1.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi Điều 7 Luật Giám định tư pháp 2012

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 148.140 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 148.140 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**2.2.** **Yêu cầu, điều kiện 2:** **Đề án thành lập (Điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp)**

2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bỏ nội dung về trang thiết bị, phương tiện giám định trong Đề án.

Lý do: Giám định viên tư pháp tự đảm bảo về trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác giám định được hiệu quả.

2.2.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi Điều 15 Luật Giám định tư pháp năm 2012

2.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.120 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 296.280 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 888.840 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75 %.

**V. Ngành nghề kinh doanh: Hành nghề đấu giá tài sản**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bỏ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng trên đại học thuộc một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng;

Lý do: Kiểm tra hồ sơ thông qua việc thi kiểm tra hết tập sự hành nghề đấu giá.

1.1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Đấu giá tài sản.

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 948.140 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 888.884 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 59.256 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,25%.

**1.2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

a) Bỏ giấy tờ chứng minh về trụ sở của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động đấu giá tài sản

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp đấu giá tài sản khi đăng ký hoạt động

1.2.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 25 Luật Đấu giá tài sản.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 86.110.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 83.888.400 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.222.100 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,58%.

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: Tiêu chuẩn đấu giá viên**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bỏ quy định “người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản, có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo từ 03 năm trở lên được tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá" trong điều kiện tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá tại khoản 1 Điều 11 Luật Đấu giá tài sản

Lý do: Tạo cơ hội cho cá nhân được đào tạo nghề đấu giá.

2.1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Sửa đổi khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 11 Luật Đấu giá tài sản.

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.677.768 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.618.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 59.256 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,61 %.

**2.2. Yêu cầu, điều kiện 2: Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản**

2.2.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bỏ điều kiện có trụ sở, cơ sở vật chất và các trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho hoạt động đấu giá tài sản

Lý do: Không còn phù hợp, nhằm tạo điều kiện cho cá nhân thành lập doanh nghiệp

2.2.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản.

2.2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.177.768 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.118.512 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 59.256 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,03 %.

**VI. Ngành nghề kinh doanh: Trọng tài thương mại**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh không thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1:** **Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho sáng lập viên thành lập Trung tâm trọng tài.

1.1.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật trọng tài thương mại

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.038.172 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.355.536 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.682.636 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,3%/năm

**1.2. Thủ tục hành chính 2:** **Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho sáng lập viên thành lập Trung tâm trọng tài.

1.2.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**1.3. Thủ tục hành chính 3:** **Chấm dứt hoạt động theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài**

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho sáng lập viên thành lập Trung tâm trọng tài.

1.3.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

1.3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí:

**1.4. Thủ tục hành chính 4:** **Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho sáng lập viên thành lập Trung tâm trọng tài.

1.4.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

1.4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.844.420 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.507.396 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 337.024 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,6 %

**1.5. Thủ tục hành chính 5:** **Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho Chi nhánh tổ của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

1.5.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

1.5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**1.6. Thủ tục hành chính 6:** **Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.**

1.6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho Chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

1.6.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 25 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

1.6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0% năm

**1.7. Thủ tục hành chính 7:** **Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam**

1.7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

1.7.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại.

1.7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: Có trình độ đại học**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Đơn giản hóa điều kiện thành “quy định thành có trình độ đại học trở lên”

Lý do: Quy định rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cá nhân được trở thành trọng tài viên.

2.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 20 Luật Trọng tài thương mại

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.618.708 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.327.428 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 336.280 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.

**VII. Ngành nghề kinh doanh: Hòa giải thương mại**

**1.1. Thủ tục hành chính 1:** **Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp

1.1.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 19 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.857.680 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 672.560 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.185.120 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 63%/năm.

**1.2. Thủ tục hành chính 2:** **Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

1.2.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 27 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%/năm

**1.3. Thủ tục hành chính 3: Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài**

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp

1.3.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 23 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.492 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 474.420 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 711.072 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59%/năm.

**1.4. Thủ tục hành chính 4:** **Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác**

1.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp

1.4.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 26,38 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí:0%/năm.

**1.5. Thủ tục hành chính 5:** **Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động**

1.5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho Trung tâm hòa giải thương mại

1.5.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%/năm.

**1.6. Thủ tục hành chính 6:** **Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam**

1.6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho Tổ chức trọng tài nước ngoài muốn mở chi nhánh, văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam.

1.6.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 36 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%/năm.

**1.7. Thủ tục hành chính 7:** **Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài**

1.7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng cấp nộp hồ sơ trực tuyến

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí cho chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

1.7.2. Kiến nghị thực thi: sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại

1.7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%/ năm.

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: đơn giản hóa điều kiện thành “có phẩm chất đạo đức tốt”

Lý do: Giảm điều kiện để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cá nhân được trở thành hòa giải viên thương mại

2.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hòa giải thương mại

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng /năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**2.2. Yêu cầu, điều kiện 2: Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm**

2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: bỏ điều kiện “Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Trung tâm”

Lý do: Giảm điều kiện, thời gian, chi phí để tạo điều kiện cho Trung tâm hòa giải thương mại.

2.2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 22 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hòa giải thương mại

2.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.377.680 đồng

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.377.680 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

**VIII. Ngành nghề kinh doanh: Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản**

Mã VSIC: (M.069.01.00) Hoạt động pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

**1. Quy định về thủ tục hành chính:**

**1.1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Nâng cấp mức độ cung cấp dịch vụ công.

Lý do: Để tạo điều kiện cho cá nhân hành nghề.

1.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 4 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản ngày 16/5/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Lộ trình: 2022-2024

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 192.107.860 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 136.841.572 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 55.266.288 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.8%.

**1.2. Thủ tục hành chính 2: Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Nâng cấp mức độ cung cấp dịch vụ công.

Lý do: Để tạo điều kiện cho cá nhân hành nghề.

1.2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 4 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Lộ trình: 2022-2024

1.2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.829.584 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.057.768 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 771.816 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27.3%.

**1.3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên**

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Nâng cấp mức độ cung cấp dịch vụ công.

Lý do: Để tạo điều kiện cho cá nhân hành nghề.

1.3.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 5 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Lộ trình: 2022-2024

1.3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.679.956 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.848.884 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 831.072 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22.6%.

**1.4. Thủ tục hành chính 4: Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản**

1.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Giảm điều kiện đối với Công ty hợp danh xuống còn tối thiểu 01 thành viên hợp danh là Quản tài viên.

Lý do: Để tạo điều kiện cho cá nhân thành lập Công ty.

1.4.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Luật Phá sản.

Lộ trình: 2022-2024

1.4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 40.628.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.442.880 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.185.120 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.9%.

**2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh:**

**2.1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện hành nghề Quản tài viên với tư cách cá nhân: Có địa chỉ giao dịch**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ điều kiện: Có địa chỉ giao dịch

Lý do: Để cá nhân hành nghề tự bảo đảm về sức khỏe khi hành nghề.

2.1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Lộ trình: 2022-2024

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 59.256 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**2.2. Điều kiện hành nghề Quản tài viên đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản: Công ty hợp danh có tối thiểu hai thành viên hợp danh là Quản tài viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty hợp danh là Quản tài viên; doanh nghiệp tư nhân có chủ doanh nghiệp là Quản tài viên, đồng thời là Giám đốc**

2.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ điều kiện: Giảm điều kiện đối với Công ty hợp danh xuống còn tối thiểu 01 thành viên hợp danh là Quản tài viên.

Lý do: Để tạo điều kiện cho cá nhân thành lập Công ty.

2.2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Luật Phá sản.

Lộ trình: 2022-2024

2.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 366.652 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 208.140 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 158.512 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43.2%.

**IX. Ngành nghề kinh doanh: Đăng ký giao dịch bảo đảm**

**1.1. Thủ tục hành chính 1: Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC.

Lý do:

- Đây là trường hợp việc đăng ký biện pháp bảo đảm có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký. Do đó trong trường hợp có sai sót, cơ quan đăng ký phải chủ động chỉnh lý trên cơ sở thông báo của người dân, doanh nghiệp mà không bắt người dân phải nộp đơn yêu cầu sửa chữa.

- Từ năm 2018 đến nay, không phát sinh hồ sơ.

1.1.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ TTHC quy định tại Điều 27 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa[[1]](#footnote-1)

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.2. Thủ tục hành chính 2: Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký**

1.2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC.

Lý do:

- Đây là trường hợp việc đăng ký biện pháp bảo đảm có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký. Do đó trong trường hợp có sai sót, cơ quan đăng ký phải chủ động chỉnh lý trên cơ sở thông báo của người dân, doanh nghiệp mà không bắt người dân phải nộp đơn yêu cầu sửa chữa.

- Từ năm 2018 đến nay, không phát sinh hồ sơ.

1.2.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ TTHC quy định tại Điều 35 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm

1.2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.3. Thủ tục hành chính 3: Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký bằng tài sản là động sản khác**

1.3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC.

Lý do:

- Đây là trường hợp việc đăng ký biện pháp bảo đảm có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký. Do đó trong trường hợp có sai sót, cơ quan đăng ký phải chủ động chỉnh lý trên cơ sở thông báo của người dân, doanh nghiệp mà không bắt người dân phải nộp đơn yêu cầu sửa chữa.

- Từ năm 2018 đến nay, không phát sinh hồ sơ.

1.3.2. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi quy định tại Điều 50 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm

1.3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.4. Thủ tục hành chính 4: Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký**

1.4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC.

Lý do: Đây là trường hợp việc đăng ký biện pháp bảo đảm có sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký. Do đó trong trường hợp có sai sót, cơ quan đăng ký phải chủ động chỉnh lý trên cơ sở thông báo của người dân, doanh nghiệp mà không bắt người dân phải nộp đơn yêu cầu sửa chữa.

1.4.2. Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ TTHC quy định tại Điều 44 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm

1.4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.5. Thủ tục hành chính 5: Đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**

1.5.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.5.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.909.578 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.475.181 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 434.397 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11 %.

**1.6. Thủ tục hành chính 6: Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu tàu bay trong trường hợp mua bán tàu bay có bảo lưu quyền sở hữu**

1.6.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tàu bay có bảo lưu quyền sở hữu là một TTHC riêng như Điều 25 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP mà ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay vì theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm.

Lý do: theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm, do đó không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu là TTHC riêng và ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm.

1.6.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Bỏ Điều 25 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời sửa đổi Điều 24 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP theo hướng thay thành phần hồ sơ là “hợp đồng cầm cố, thế chấp tàu bay” tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP thành “hợp đồng bảo đảm” vì theo khái niệm hợp đồng bảo đảm tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP thì hợp đồng bảo đảm bao gồm cả hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu.

1.6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.7. Thủ tục hành chính 7: Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký**

1.7.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.7.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 977.395 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 868.795 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 108.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11 %.

**1.8. Thủ tục hành chính 8: Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay**

1.8.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.8.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.9. Thủ tục hành chính 9: Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay**

1.9.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.9.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 733.046 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 651.596 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 81.450 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11 %.

**1.10. Thủ tục hành chính 10: Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay**

1.10.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.10.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.610.930 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.610.930 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.11. Thủ tục hành chính 11: Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay**

1.11.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.11.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.12. Thủ tục hành chính 12: Đăng ký thế chấp tàu biển**

1.12.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.12.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 40.724.775 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.652.298 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.072.477 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

**1.13. Thủ tục hành chính 13: Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu tàu biển trong trường hợp mua bán tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu**

1.13.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu là một TTHC riêng như Điều 33 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP mà ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển vì theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm.

Lý do: theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm, do đó không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu là TTHC riêng và ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm.

1.13.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Bỏ Điều 33 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời sửa đổi Điều 32 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP theo hướng thay thành phần hồ sơ là “hợp đồng thế chấp tàu biển” tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP thành “hợp đồng bảo đảm” vì theo khái niệm hợp đồng bảo đảm tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP thì hợp đồng bảo đảm bao gồm cả hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu.

1.13.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.14. Thủ tục hành chính 14: Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký**

1.14.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.14.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18.190.400 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.371.360 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.819.040 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

**1.15. Thủ tục hành chính 15: Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp tàu biển**

1.15.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.15.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 244.349 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 217.199 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.150 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11 %.

**1.16. Thủ tục hành chính 16: Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển**

1.16.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.16.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 34.453.160 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30.625.031 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.828.129 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11 %.

**1.17. Thủ tục hành chính 17: Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển**

1.17.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.17.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.18. Thủ tục hành chính 18: Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển**

1.18.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.18.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.19. Thủ tục hành chính 19: Đăng ký thế chấp bằng tài sản là động sản khác**

1.19.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản trong đó có tài sản là chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 62 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung cho phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

1.19.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

1.19.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.435.587.621 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.435.587.621 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.20. Thủ tục hành chính 20: Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản là động sản khác có bảo lưu quyền sở hữu**

1.20.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản trong đó có tài sản là chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 62 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung cho phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

- Không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản là động sản khác có bảo lưu quyền sở hữu là một TTHC riêng như Điều 51 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP mà ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung vì theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm.

Lý do: theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm, do đó không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu là TTHC riêng và ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm.

1.20.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

- Bỏ Điều 51 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời sửa đổi Điều 50 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP theo hướng thay thành phần hồ sơ là “hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp trong trường hợp phiếu yêu cầu đăng ký chỉ có chữ ký, con dấu của một trong các bên tham gia biện pháp bảo đảm” tại điểm b khoản 1 Điều 50 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP thành “hợp đồng bảo đảm” vì theo khái niệm hợp đồng bảo đảm tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP thì hợp đồng bảo đảm bao gồm cả hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu.

1.20.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.877.884 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.877.884 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.21. Thủ tục hành chính 21: Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký bằng tài sản là động sản khác**

1.21.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

1.21.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

1.21.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.252.698.204 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.252.698.204 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.22. Thủ tục hành chính 22: Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm bằng tài sản là động sản khác**

1.22.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản trong đó có tài sản là chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 62 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung cho phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

1.22.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

1.22.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30.353.532 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30.353.532 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.23. Thủ tục hành chính 23: Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tài sản là động sản khác**

1.23.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản trong đó có tài sản là chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 62 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung cho phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

1.23.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

1.23.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.167.804.749 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.167.804.749 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.24. Thủ tục hành chính 24: Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tài sản là động sản khác**

1.24.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản trong đó có tài sản là chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 62 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung cho phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

1.24.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

1.24.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 198.438.254 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 198.438.254 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.25. Thủ tục hành chính 25: Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tài sản là động sản khác**

1.25.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Sửa đổi quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về cơ quan có thẩm quyền giải quyết như sau: bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

Lý do: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP quy định Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản trong đó có tài sản là chứng khoán. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 62 Luật Chứng khoán năm 2019 quy định Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung. Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung cho phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

1.25.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Kế thừa quy định tại Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung.

1.25.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.284.210.706 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.284.210.706 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.26. Thủ tục hành chính 26: Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)**

1.26.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.26.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.26.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 342.873.283.662 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 308.585.955.296 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 34.287.328.366 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

**1.27. Thủ tục hành chính 27: Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai**

1.27.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.27.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.27.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.28. Thủ tục hành chính 28: Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận**

1.28.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.28.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.28.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.29. Thủ tục hành chính 29: Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu**

1.29.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu là một TTHC riêng như Điều 42 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP mà ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất vì theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm.

Lý do: theo quy định của Điều 292 Bộ luật Dân sự năm 2015, bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm, do đó không quy định đăng ký bảo lưu quyền sở hữu là TTHC riêng và ghép chung với TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm.

1.29.2. Kiến nghị thực thi

- Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

- Bỏ Điều 42 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời sửa đổi Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP theo hướng thay thành phần hồ sơ là “hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực trong trường hợp pháp luật quy định” tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP thành “hợp đồng bảo đảm” vì theo khái niệm hợp đồng bảo đảm tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP thì hợp đồng bảo đảm bao gồm cả hợp đồng mua bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu.

1.29.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

**1.30. Thủ tục hành chính 30: Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký**

1.30.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.30.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.30.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.902.379.341 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.638.526.674 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.263.852.667 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9 %.

**1.31. Thủ tục hành chính 31: Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**

1.31.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.31.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.31.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 274.756.482 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 247.280.834 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.475.648 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

**1.32. Thủ tục hành chính 32: Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở**

1.32.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.32.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.32.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 746.077.878 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 671.470.090 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 74.607.788 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

**1.33. Thủ tục hành chính 33: Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**

1.33.1 Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về thời hạn giải quyết như sau: bổ sung trường hợp có sự kiện bất khả kháng cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ. Theo đó, trong trường hợp này, thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

Lý do: Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP chưa có quy định về việc tính thời hạn giải quyết hồ sơ trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng.

1.33.2. Kiến nghị thực thi

Kế thừa quy định tại Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung và hoàn thiện quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ của Điều 16 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng mà cơ quan đăng ký không thể giải quyết hồ sơ thì thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

1.33.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 279.248.696.181 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 251.323.826.563 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 27.924.869.618 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10 %.

**X. Ngành nghề kinh doanh: Lý lịch tư pháp**

1. Quy định về thủ tục hành chính:

**1.1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam, công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú**

1.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng mức độ trực tuyến, tái cấu trúc quy trình

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí

1.1.2. Kiến nghị thực thi:

- Đối với việc bổ sung cách thức trực tuyến, hoặc qua dịch vụ bưu chính: hiện nay, việc cấp Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến đang được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và pháp luật về lý lịch tư pháp. Cụ thể, việc Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính đang được thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, việc đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đối với việc tái cấu trúc quy trình thực hiện theo hướng: Điện tử hóa Tờ khai, cho phép sử dụng chữ ký số; đối với các giấy tờ là thành phần hồ sơ còn lại: CMND, CCCD, Hộ chiếu có thể sử dụng bản điện tử do đối tượng thực hiện cung cấp hoặc lấy thông tin từ cơ quan công an; hoặc giấy tờ do CBCCVC tại BPMC số hóa; hoặc giấy tờ đã được chứng thực điện tử: Giải pháp này không cần phải sửa hệ thống văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, hiện nay Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công cấp tính vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các tính năng như: số hóa giấy tờ trong hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân,… nên nhiệm vụ này chưa thể thực hiện được.

Thời điểm thực hiện phương án đề xuất này: khi Cổng Dịch vụ công quốc gia hoàn thiện tất cả các tính năng kỹ thuật cho phép cá nhân, tổ chức thực hiện Quy trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

1.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.477.780.000 đồng/ năm.

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.859.176.500 đồng/ năm.

- Tổng chi phí tiết kiệm được: 11.618.603.500 đồng/ năm

- Tỉ lệ cắt giảm chi phí: 56,74 %

**2.2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam**

2.1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: nâng mức độ trực tuyến, tái cấu trúc quy trình

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí

2.1.2. Kiến nghị thực thi:

- Đối với việc bổ sung cách thức trực tuyến, hoặc qua dịch vụ bưu chính: hiện nay, việc cấp Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến đang được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và pháp luật về lý lịch tư pháp. Cụ thể, việc Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính đang được thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, việc đăng ký cấp Phiếu LLTP trực tuyến theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đối với việc tái cấu trúc quy trình thực hiện theo hướng: Điện tử hóa Tờ khai, cho phép sử dụng chữ ký số; đối với các giấy tờ là thành phần hồ sơ còn lại: CMND, CCCD, Hộ chiếu có thể sử dụng bản điện tử do đối tượng thực hiện cung cấp hoặc lấy thông tin từ cơ quan công an; hoặc giấy tờ do CBCCVC tại BPMC số hóa; hoặc giấy tờ đã được chứng thực điện tử: Giải pháp này không cần phải sửa hệ thống văn bản pháp luật về lý lịch tư pháp. Tuy nhiên, hiện nay Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công cấp tính vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các tính năng như: số hóa giấy tờ trong hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; hoàn thiện kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân,… nên nhiệm vụ này chưa thể thực hiện được.

Thời điểm thực hiện phương án đề xuất này: khi Cổng Dịch vụ công quốc gia hoàn thiện tất cả các tính năng kỹ thuật cho phép cá nhân, tổ chức thực hiện Quy trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

2.1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 419.239.035.900 đồng/ năm.

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 228.572.601.300 đồng/ năm.

- Tổng chi phí tiết kiệm được: 190.666.434.600 đồng/ năm.

- Tỉ lệ cắt giảm chi phí: 45,48 %

**XI. Ngành nghề kinh doanh: Thi hành án dân sự**

**1. Thủ tục nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án**

***1.1. Nội dung đơn giản hóa***

Cần sửa đổi, bổ sung cách thức nhận kết quả: Ngoài nhận trực tiếp có thể nhận qua bưu điện, qua internet để tạo điều kiện thuận lợi và giảm bớt thời gian.

***1.2. Kiến nghị thực thi***

Bổ sung phương thức nhận tài sản đã kê biên trong Luật THADS khi được sửa đổi, bổ sung.

***1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa***

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 61.730.000đồng/năm**.**

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 56.300.000đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 5.430.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,796 %

**2. Thủ tục yêu cầu thay đổi Chấp hành viên**

***2.1. Nội dung đơn giản hóa***

Tại Đơn đề nghị thay đổi Chấp hành viên cần bỏ nội dung là Giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi người đó cư trú vì đương sự khi yêu cầu thay đổi Chấp hành viên mà có ủy quyền thì phải có giấy ủy quyền và một số giấy tờ khác như căn cước công dân, chứng minh nhân dân.

Mặt khác, nếu yêu cầu có giấy xác nhận của UBND cấp xã thì cần phải đi xin xác nhận mất nhiều thời gian và phải nộp lệ phí xin xác nhận. Đồng thời, giảm thời gian nhận kết quả bằng việc cơ quan THADS có thể trả kết quả qua bưu điện, internet để góp phần giảm chi phí thủ tục hành chính.

***2.2. Kiến nghị thực thi***

Sửa đổi trong thành phần hồ sơ tại Biểu mẫu D05-THADS Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự ngày 01/02/2016.

***2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa***

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 46.297.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 36.652.500đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 9.645.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,833 %

**3. Thủ tục đề nghị miễn, giảm phí thi hành án**

***3.1. Nội dung đơn giản hóa***

Cần sửa đổi, bổ sung cách thức nộp hồ sơ: Ngoài nộp trực tiếp, bưu điện có thể nộp qua qua internet để giảm bớt thời gian nộp hồ sơ

***3.2. Kiến nghị thực thi***

Bổ sung phương thức đề nghị miễn, giảm phí thi hành án trong Luật THADS khi được sửa đổi, bổ sung.

***3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa***

**-** Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 148.431.250 đồng/năm**.**

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 141.643.750đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 6.787.500 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,573 %

**4. Thủ tục đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án**

***4.1. Nội dung đơn giản hóa***

Cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo hướng không yêu cầu đương sự phải nộp Quyết định thi hành án kèm theo đơn đề nghị vì khi ra Quyết định cưỡng chế thi hành án thì cơ quan thi hành án đã phải căn cứ vào Bản án, Quyết định của Tòa án và Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án.

***4.2. Kiến nghị thực thi***

Sửa đổi mẫu đơn D08-THADS Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự ngày 01/02/2016

***4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa***

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 105.170.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 91.595.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 13.575.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,908 %

**5. Thủ tục: Xác nhận kết quả thi hành án**

***5.1. Nội dung đơn giản hóa***

Cần sửa đổi, bổ sung mẫu đơn, tờ khai theo hướng không yêu cầu đương sự phải nộp thành phần hồ sơ kèm theo đơn đề nghị gồm Bản án, Quyết định của Tòa án vì khi ra Quyết định thi hành án cơ quan thi hành án đã phải căn cứ vào Bản án, Quyết định của Tòa án.

***5.2. Kiến nghị thực thi***

Sửa đổi mẫu đơn D10-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp

***5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa***

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 134.320.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 103.170.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 31.150.000đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,191%

1. Việc tính toán lợi ích phương án đơn giản hóa của tất cả các TTHC về đăng ký biện pháp bảo đảm trong Phụ lục này được thực hiện trên biểu mẫu excel, đây chỉ là chi phí dự kiến, chỉ có tính chất tham khảo; chưa nhập theo cách tính toán chính thức trên phần mềm nên số liệu chưa chính xác theo cách tính của phần mềm (ví dụ: mức phí sẽ nhập trên phần mềm chính thức…). [↑](#footnote-ref-1)